

Số: 2785/TB-HĐTD

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả điểm thi của thí sinh tham dự
kỳ thi tuyển lao động hợp đồng, năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 2357/KH-BVT ngày 07/8/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc tuyển dụng lao động hợp đồng năm 2023,

Hội đồng tuyển dụng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh thông báo kết quả điểm thi của thí sinh tham dự kỳ thi tuyển lao động hợp đồng năm 2023 tại bệnh viện *(có danh sách chi tiết kèm theo)*.

Thí sinh có quyền yêu cầu phúc khảo kết quả điểm thi vòng 1 (môn thi trắc nghiệm kiến thức chung) theo mẫu và thời gian đã đăng tải tại Thông báo số 2776/TB-HĐTD ngày 21/9/2023 (được đăng trên website bệnh viện). Không thực hiện phúc khảo kết quả điểm thi vòng 2 (môn thi phỏng vấn).

Mọi chi tiết xin liên hệ tại Phòng Tổ chức cán bộ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh hoặc qua số điện thoại: 02033.829.233 (vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần) để được hướng dẫn cụ thể.

Hội đồng tuyển dụng lao động hợp đồng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- P. TT-HCQT (Đăng tải Website của BV);
- Lưu: VT, HĐTD.

**T.M HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Việt

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG LĐHĐ 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2023

DANH SÁCH
KẾT QUẢ ĐIỂM THI KỲ THI TUYỂN LĐHĐ, NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số 2785/TB-HĐTD ngày 22/9/2023 của Hội đồng tuyển dụng bệnh viện)

1. Vị trí việc làm Bác sĩ (hạng III)

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Điểm Phỏng vấn	Nguyên vọng đăng ký		Ghi chú
							Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2 (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	CĐHA02	Tô Mạnh Hà	08/08/1998	Nam	Bác sĩ Đa khoa	95,00	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Phẫu thuật thần kinh - cột sống	
2	CĐHA04	Đào Thị Hải Linh	23/08/1998	Nữ	Bác sĩ Y khoa	85,67	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Hồi sức tích cực - Thận nhân tạo	
3	CĐHA05	Nguyễn Long Nhật	14/02/1999	Nam	Bác sỹ Y Khoa	85,67	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Cấp cứu	
4	CĐHA07	Nguyễn Thị Nường	08/08/1999	Nữ	Bác sĩ Y khoa	77,33	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Cấp cứu	
5	CĐHA08	Lương Văn Thanh	14/06/1999	Nam	Bác sĩ Y khoa	91,00	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Điểm Phỏng vấn	Nguyên vọng đăng ký		Ghi chú
							Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2 (nếu có)	
6	CĐHA09	Phạm Long Thành	07/11/1994	Nam	Bác sỹ Y Khoa	91,00	Khoa Chẩn đoán hình ảnh		
7	CĐHA10	Nguyễn Thị Hồng Thơm	06/01/1999	Nữ	Bác sỹ Y khoa	78,67	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Cấp cứu	
8	CĐHA12	Trương Thị Thủy	12/12/1999	Nữ	Bác sỹ Y khoa	85,00	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Lão khoa	
9	CĐHA13	Phạm Thị Trang	21/03/1997	Nữ	Bác sỹ Y khoa	77,00	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Cấp cứu	
10	CĐHA15	Phạm Thanh Tú	16/01/1998	Nam	Bác sỹ Y khoa	90,33	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Phẫu thuật thần kinh - cột sống	
11	PS02	Nguyễn Tiến Đạt	06/07/1999	Nam	Bác sỹ Y khoa	89,00	Khoa Phụ sản	Khoa Phẫu thuật thần kinh - cột sống	
12	PS03	Nguyễn Thị Thùy Linh	15/03/1997	Nữ	Bác sỹ Đa khoa	91,00	Khoa Phụ sản		
13	PS04	Trần Thị Chi Linh	26/12/1999	Nữ	Bác sỹ Y khoa	81,00	Khoa Phụ sản	Khoa Lão khoa	
14	PS05	Vũ Văn Long	09/05/1998	Nam	Bác sỹ Y khoa	93,00	Khoa Phụ sản	Khoa Phẫu thuật thần kinh - cột sống	
15	PS09	Nguyễn Thị Hà Trang	21/9/1999	Nữ	Bác sỹ Y khoa	85,67	Khoa Phụ sản	Khoa Hồi sức tích cực - Thận nhân tạo	
16	PS10	Đỗ Thanh Tuyên	28/5/1997	Nam	Bác sỹ Y khoa	83,00	Khoa Phụ sản		

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Điểm Phỏng vấn	Nguyện vọng đăng ký		Ghi chú
							Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2 (nếu có)	
17	UB02	Nguyễn Diệu Hà	12/09/1999	Nữ	Bác sĩ Y khoa	85,67	Khoa Ung bướu	Khoa Lão khoa	
18	UB04	Phạm Thị Phụng	01/5/1999	Nữ	Bác sĩ Y khoa	83,67	Khoa Ung bướu	Khoa Lão khoa	
19	UB05	Nguyễn Thị Thảo	29/08/1999	Nữ	Bác sĩ Y đa khoa	79,00	Khoa Ung bướu	Khoa Hồi sức tích cực - Thận nhân tạo	
20	UB06	Trần Mai Trang	18/11/1999	Nữ	Bác sĩ Y khoa	91,67	Khoa Ung bướu	Khoa Lão khoa	
21	UB07	Nguyễn Mạnh Tuấn	07/03/1998	Nam	Bác sĩ Y khoa	93,67	Khoa Ung bướu	Khoa Hồi sức tích cực - Thận nhân tạo	
22	NTM01	Nguyễn Thị Duyên	15/11/1999	Nữ	Bác sĩ Y khoa	91,00	Khoa Nội tim mạch	Khoa Hồi sức tích cực - Thận nhân tạo	
23	NTM03	Phạm Văn Mạnh	25/05/1998	Nam	Bác sĩ Y Khoa	87,67	Khoa Nội tim mạch	Khoa Hồi sức tích cực - Thận nhân tạo	
24	NTM04	Nguyễn Hải Sáng	04/9/1988	Nữ	Bác sĩ đa khoa; Bác sĩ CK cấp I chuyên ngành Nội khoa	81,33	Khoa Nội tim mạch		
25	NTM05	Vũ Văn Trung	22/03/1998	Nam	Bác sĩ Y khoa	79,67	Khoa Nội tim mạch	Khoa Lão khoa	
26	NTM06	Phạm Thị Út	07/11/1997	Nữ	Bác sĩ Y khoa	84,33	Khoa Nội tim mạch	Khoa Cấp cứu	

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Điểm Phỏng vấn	Nguyên vọng đăng ký		Ghi chú
							Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2 (nếu có)	
27	NTM07	Trần Thị Yên	27/3/1999	Nữ	Bác sĩ Y khoa	91,67	Khoa Nội tim mạch	Khoa Lão khoa	
28	NTH02	Bùi Thúy Hằng	02/10/1999	Nữ	Bác sỹ Y Khoa	93,67	Khoa Nội tổng hợp	Khoa Lão khoa	
29	NTH04	Phạm Thị Huyền	16/9/1998	Nữ	Bác sĩ Y khoa	84,33	Khoa Nội tổng hợp	Khoa Cấp cứu	
30	NTH07	Trần Thị Quỳnh	10/6/1998	Nữ	Bác sĩ Y khoa	91,67	Khoa Nội tổng hợp	Khoa Lão khoa	
31	GMHS01	Hoàng Đức Duy	13/01/1999	Nam	Bác sĩ Y khoa	89,00	Khoa Gây mê hồi sức	Khoa Cấp cứu	
32	GMHS02	Lê Thu Hiền	20/01/1997	Nữ	Bác sỹ Y khoa	83,67	Khoa Gây mê hồi sức	Khoa Lão khoa	
33	GMHS03	Nguyễn Thị Kiều Trinh	25/6/1997	Nữ	Bác sĩ Y khoa	94,67	Khoa Gây mê hồi sức		
34	HHNN01	Nguyễn Hồng Ngọc	06/12/1994	Nữ	Bác sĩ Đa khoa; BS Nội trú; ThS Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng	93,00	Khoa Nội Hô hấp & Bệnh nghề nghiệp		
35	HHNN02	Nguyễn Thị Trà Giang	25/05/1998	Nữ	Bác sĩ Y khoa	92,00	Khoa Nội Hô hấp & Bệnh nghề nghiệp		

2. Vị trí việc làm khác

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Điểm Trắc nghiệm	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm thi	Ghi chú
I	ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III (07)								
1	ĐDDH01	Vũ Minh Cường	17/08/2000	Nam	Cử nhân điều dưỡng	62,00	92,00	154,00	
2	ĐDDH02	Nguyễn Thị Duyên	13/05/2001	Nữ	Cử nhân điều dưỡng	72,00	90,00	162,00	
3	ĐDDH04	Cao Phương Hoa	11/03/2000	Nữ	Đại học điều dưỡng	66,00	91,00	157,00	
4	ĐDDH06	Nguyễn Thu Mai	10/10/2000	Nữ	Đại học điều dưỡng	52,00	91,50	143,50	
5	ĐDDH07	Đặng Minh Phương	09/06/2001	Nữ	Đại học điều dưỡng	66,00	96,50	162,50	
6	ĐDDH09	Phạm Thị Thủy	14/5/2001	Nữ	Đại học Điều dưỡng	54,00	84,00	138,00	
7	ĐDDH10	Đào Thị Trâm	28/11/2000	Nữ	Cử nhân điều dưỡng	66,00	39,50	105,50	
II	ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV (10)								
1	ĐDCĐ01	Nguyễn Thị Lan Anh	27/09/2001	Nữ	Điều dưỡng cao đẳng	66,00	90,50	156,50	
2	ĐDCĐ03	Đỗ Thanh Bình	13/11/2001	Nữ	Điều dưỡng cao đẳng	58,00	95,50	153,50	
3	ĐDCĐ04	Lưu Thị Hằng	22/9/1999	Nữ	Điều dưỡng cao đẳng	52,00	92,50	144,50	

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Điểm Trắc nghiệm	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm thi	Ghi chú
4	ĐDCĐ08	Đoàn Thị Huế	16/12/1990	Nữ	Điều dưỡng đa khoa	64,00	85,00	149,00	
5	ĐDCĐ11	Nguyễn Thị Linh	19/07/1998	Nữ	Điều dưỡng cao đẳng	74,00	93,50	167,50	
6	ĐDCĐ12	Đoàn Thị Hằng Nga	18/12/1997	Nữ	Điều dưỡng cao đẳng	66,00	93,50	159,50	
7	ĐDCĐ13	Đặng Hoài Phương	20/01/2002	Nữ	Điều dưỡng cao đẳng	52,00	62,50	114,50	
8	ĐDCĐ14	Nguyễn Đức Tài	31/05/2001	Nam	Điều dưỡng cao đẳng	52,00	92,50	144,50	
9	ĐDCĐ16	Mai Thanh Thảo	29/12/2000	Nữ	Điều dưỡng cao đẳng	68,00	97,50	165,50	
10	ĐDCĐ20	Đỗ Thị Quỳnh Trang	10/01/2001	Nữ	Điều dưỡng cao đẳng	78,00	91,00	169,00	
III	KỸ THUẬT Y HẠNG III (05)								
	<i>KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC (02)</i>								
1	KTHA01	Nguyễn Trung Đức	14/02/2001	Nam	Đại học Kỹ thuật hình ảnh y học	58,00	95,00	153,00	
2	KTHA04	Nguyễn Minh Thúy	19/10/2000	Nữ	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	62,00	90,00	152,00	
	<i>KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM (03)</i>								
1	KTXN02	Nguyễn Thế Đạt	15/10/2001	Nam	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	70,00	94,50	164,50	

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Điểm Trắc nghiệm	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm thi	Ghi chú
2	KTXN03	Nguyễn Công Minh	01/01/2001	Nam	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	82,00	84,00	166,00	
3	KTXN04	Cao Hải Sơn	07/01/2001	Nam	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	56,00	84,00	140,00	
IV	DƯỢC SĨ HẠNG III (02)								
1	DSDH01	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	21/7/2000	Nữ	Dược sĩ đại học	80,00	95,00	175,00	
2	DSDH02	Phạm Tiến Văn	23/11/2000	Nam	Dược sĩ đại học	86,00	94,50	180,50	
V	DƯỢC HẠNG IV (02)								
1	DSCĐ01	Bùi Thị Hồng	26/10/1997	Nữ	Dược sĩ cao đẳng	68,00	63,50	131,50	
2	DSCĐ02	Hoàng Thị Ngà	20/12/1998	Nữ	Dược sĩ cao đẳng	86,00	96,50	182,50	
VI	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (1)								
1	CNTT02	Đinh Ngọc Long	28/11/1991	Nam	Cử nhân công nghệ thông tin	54,00	90,00	144,00	
VII	KỸ SƯ (1)								
1	KS01	Nguyễn Thị Vân Anh	27/10/1994	Nữ	Kỹ sư Quản lý xây dựng	90,00	95,00	185,00	
VIII	KẾ TOÁN VIÊN (07)								

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Điểm Trắc nghiệm	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm thi	Ghi chú
1	KT01	Đặng Phương Anh	08/11/2000	Nữ	Cử nhân Tài chính - ngân hàng	78,00	95,00	173,00	
2	KT02	Nguyễn Minh Anh	28/12/1997	Nữ	Cử nhân Tài chính - ngân hàng	76,00	60,50	136,50	
3	KT03	Trịnh Hoàng Anh	05/9/2000	Nam	Cử nhân kế toán	52,00	85,50	137,50	
4	KT06	Hoàng Kỳ	09/3/2001	Nam	Cử nhân kế toán	52,00	85,00	137,00	
5	KT07	Hoàng Diệu Linh	23/06/1999	Nữ	Cử nhân kế toán	58,00	52,00	110,00	
6	KT08	Phạm Thu Thảo	07/8/1992	Nữ	Cử nhân kế toán	76,00	98,50	174,50	
7	KT09	Ngô Thị Hồng Thoan	22/4/1988	Nữ	Cử nhân kinh tế ngành kế toán	66,00	93,50	159,50	
IX	NHÂN VIÊN LÁI XE								
1	LX01	Nguyễn Thế Anh	03/4/1983	Nam	Giấy phép lái xe hạng B2	-	91,00	91,00	
2	LX02	Đình Hoàng Ban	20/12/1985	Nam	Giấy phép lái xe hạng B2	-	85,67	85,67	
3	LX04	Phạm Việt Hải	02/02/1989	Nam	Hạng B2	-	82,33	82,33	

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Trình độ chuyên môn	Điểm Trắc nghiệm	Điểm Phỏng vấn	Tổng điểm thi	Ghi chú
4	LX05	Vũ Anh Phúc	09/02/1990	Nam	Hạng E	-	85,67	85,67	
5	LX06	Nguyễn Quân	15/01/1982	Nam	Hạng C	-	89,67	89,67	
6	LX07	Nguyễn Văn Tuấn	14/03/1987	Nam	Hạng C	-	82,33	82,33	
7	LX08	Tạ Mạnh Tuấn	12/12/1987	Nam	Hạng C	-	78,67	78,67	
8	LX09	Ngô Quang Tuyên	30/5/1992	Nam	Giấy phép lái xe hạng C	-	79,33	79,33	
IX	NHÂN VIÊN KỸ THUẬT								
1	NVKT01	Nguyễn Thành Đạt	29/02/1992	Nam	Trung cấp kỹ thuật cơ điện hàn lò	-	46,50	46,50	

Ấn định danh sách: 79 thí sinh./.